TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **27**/2024/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 15 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 241/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Minh N –** sinh năm 1977 **–** Trú tại: 88 Đường L, tổ 55 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Xuân C**– sinh năm: 1979 – Trú tại: 88 Đường L, tổ 55 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà **Phạm Minh N** và ông **Nguyễn Xuân C** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Minh N và ông Nguyễn Xuân C nên Giấy chứng nhận kết hôn số 167 do Ủy ban nhân dân phường T, quận S, Đà Nẵng cấp ngày 03/10/2003 không còn giá trị pháp lý).*

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Minh N và ông Nguyễn Xuân C thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà N và ông C xác định có 02 con chung là Nguyễn Xuân M, sinh ngày 20/10/2004 và Nguyễn Xuân M, sinh ngày 31/07/2010. Ly hôn ông bà thỏa thuận giao con Nguyễn Xuân M cho bà Phạm Minh N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Xuân C không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng con Nguyễn Xuân M đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên ông bà có yêu cầu gì.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì

quyền, lợi ích con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà N và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Bà N và ông C xác định không có

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) bà N và ông C mỗi người chịu 75.000 đồng nhưng bà N tự nguyện chịu 150.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, Đà Nẵng biên lai thu số 0002936 ngày 25/12/2023**.**

Hoàn trả cho bà Phạm Minh N 150.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002936 ngày 25/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường T, quận S, Đà Nẵng.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh